

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC  
DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch
Ông Vũ Anh Tuấn	Uỷ viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Uỷ viên
Ông Vũ Huy An	Uỷ viên
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Uỷ viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chinh	Phó Giám đốc



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Vũ Anh Tuấn**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024



Số: 282/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 09/8/2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại các ngày 08 tháng 08 năm 2023 và ngày 29 tháng 02 năm 2024.



Nguyễn Thị Mai Hoa

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>202.849.737.437</b>	<b>224.396.863.714</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>28.024.692.155</b>	<b>28.431.244.144</b>
1. Tiền	111		9.794.692.155	8.431.244.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.230.000.000	20.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>78.290.000.000</b>	<b>59.470.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	78.290.000.000	59.470.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.855.897.865</b>	<b>107.388.660.967</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	80.481.239.135	103.712.348.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.332.408.455	214.792.080
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.042.250.275	3.461.520.080
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>8.058.754.455</b>	<b>23.859.848.731</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.058.754.455	23.859.848.731
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.620.392.962</b>	<b>5.247.109.872</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	12.775.539	64.113.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.182.996.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	1.607.617.423	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=201+220+250+260)	<b>200</b>		<b>42.065.685.212</b>	<b>41.535.640.539</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.860.000</b>	<b>37.860.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	37.860.000	37.860.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.032.095.456</b>	<b>13.282.202.442</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.032.095.456	13.282.202.442
- Nguyên giá	222		93.123.789.476	90.495.095.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.091.694.020)	(77.212.892.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>5.040.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.955.729.756</b>	<b>23.175.578.097</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	22.955.729.756	23.175.578.097
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>244.915.422.649</b>	<b>265.932.504.253</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>65.472.490.350</b>	<b>77.486.163.721</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.472.490.350</b>	<b>77.486.163.721</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	15.439.589.134	28.394.381.980
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.827.334.651	1.192.198.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	847.148.401	3.585.984.751
4. Phải trả người lao động	314		22.941.805.738	31.379.146.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	3.662.605.710	4.408.532.293
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	36.818.182	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.060.310.801	7.055.835.778
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.656.877.733	1.470.083.795
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>179.442.932.299</b>	<b>188.446.340.532</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>179.442.932.299</b>	<b>188.446.340.532</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.755.937.723	17.759.345.956
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		121.242.018	68.826.262
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.634.695.705	17.690.519.694
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>244.915.422.649</b>	<b>265.932.504.253</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Hoàng Thị Hồng Trang

Lê Đình Thái

Vũ Anh Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	147.220.492.235	122.599.081.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		147.220.492.235	122.599.081.035
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	121.098.137.843	94.390.679.430
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		26.122.354.392	28.208.401.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.677.178.103	2.816.621.391
7. Chi phí tài chính	22		-	21.665.145
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	16.927.297.700	20.053.403.127
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		10.872.234.795	10.949.954.724
11. Thu nhập khác	31	6.5	-	271.707.240
12. Chi phí khác	32	6.5	34.011.784	6.588.680
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40		(34.011.784)	265.118.560
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	50		10.838.223.011	11.215.073.284
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	2.203.527.306	2.276.138.793
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		8.634.695.705	8.938.934.491
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	576	478

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.838.223.011	11.215.073.284
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.878.801.229	2.381.515.112
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.677.178.103)	(2.811.550.901)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.039.846.137	10.785.037.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.349.402.955	181.139.520.810
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.801.094.276	8.154.046.742
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.077.357.146)	(186.076.659.616)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		271.185.920	62.729.809
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.423.821.612)	(3.723.110.573)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.351.310.000)	(2.841.490.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.609.040.530	7.500.074.667
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.628.694.243)	(1.254.253.727)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(73.120.000.000)	(96.140.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.300.000.000	85.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.435.917.581	2.819.735.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.012.776.662)	(8.774.517.757)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.815.857)	(36.475.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.815.857)	(36.475.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(406.551.989)	(1.310.918.090)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	28.431.244.144	20.917.908.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	28.024.692.155	19.606.990.141

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 427 người (tại ngày 31/12/2023 là 431 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty kèm theo là Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03- 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí tham quan học hỏi, nhân công thuê ngoài, chi phí đồng phục và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trích trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	715.978.103	288.688.926
Tiền gửi ngân hàng	9.078.714.052	8.142.555.218
Các khoản tương đương tiền	18.230.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	18.230.000.000	20.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>28.024.692.155</b>	<b>28.431.244.144</b>

(\*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, lãi suất trong năm là từ 2,1%/năm đến 4,0%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.290.000.000</b>	<b>78.290.000.000</b>	<b>59.470.000.000</b>	<b>59.470.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	78.290.000.000	78.290.000.000	59.470.000.000	59.470.000.000
<b>Tổng</b>	<b>78.290.000.000</b>	<b>78.290.000.000</b>	<b>59.470.000.000</b>	<b>59.470.000.000</b>

(\*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất trong năm là từ 3,2%/năm đến 3,7%/năm.

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>80.481.239.135</b>	<b>103.712.348.807</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	10.945.100.290	47.519.934.227
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	30.210.104.428	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	11.276.312.007	3.546.640.264
Công ty TNHH Công nghệ toàn cầu Nam Á	14.082.346.877	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	526.405.951	10.656.129.625
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	12.800.343.498
Phải thu các đối tượng khác	13.440.969.582	10.536.662.122
<b>Tổng</b>	<b>80.481.239.135</b>	<b>103.712.348.807</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

52.431.516.725

82.576.079.940

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.332.408.455</b>	<b>214.792.080</b>
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Khánh Anh	-	210.142.080
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nữ Hoàng	358.560.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trường Khải	1.997.136.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	976.712.455	4.650.000
<b>Tổng</b>	<b>3.332.408.455</b>	<b>214.792.080</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.042.250.275</b>	-	<b>3.461.520.080</b>	-
- Phải thu khác	1.208.616.194	-	2.811.344.796	-
<i>Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	820.503.454	-	2.176.042.932	-
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	-	-	403.200.000	-
+ <i>Phải thu đối tượng khác</i>	388.112.740	-	232.101.864	-
Tạm ứng	1.381.186.206	-	502.727.409	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	452.447.875	-	147.447.875	-
<b>Dài hạn</b>	<b>37.860.000</b>	-	<b>37.860.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	37.860.000	-	37.860.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.080.110.275</b>	-	<b>3.499.380.080</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	337.587.950	-	116.164.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.721.166.505	-	23.743.683.810	-
<i>Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh</i>	724.632.542	-	7.021.893.368	-
<i>Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2</i>	-	-	11.414.042.758	-
<i>Dự án Sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện Nhơn Trạch</i>	4.991.273.303	-	-	-
<i>Các dự án khác</i>	2.005.260.660	-	5.307.747.684	-
<b>Tổng</b>	<b>8.058.754.455</b>	-	<b>23.859.848.731</b>	-

**5.7 Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.775.539</b>	<b>64.113.118</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	611.290	21.983.871
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.164.249	42.129.247
<b>Dài hạn</b>	<b>22.955.729.756</b>	<b>23.175.578.097</b>
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	21.294.387.177	21.608.309.349
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.661.342.579	1.567.268.748
<b>Tổng</b>	<b>22.968.505.295</b>	<b>23.239.691.215</b>

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	44.386.242.595	21.842.451.775	22.932.200.863	90.495.095.233
Tăng trong kỳ	-	2.628.694.243	4.080.000.000	-	6.708.694.243
Mua trong kỳ	-	2.628.694.243	-	-	2.628.694.243
Phân loại lại	-	-	4.080.000.000	-	4.080.000.000
Giảm trong kỳ	-	4.080.000.000	-	-	4.080.000.000
Phân loại lại	-	4.080.000.000	-	-	4.080.000.000
Số dư tại 30/6/2024	<u>1.334.200.000</u>	<u>42.934.936.838</u>	<u>25.922.451.775</u>	<u>22.932.200.863</u>	<u>93.123.789.476</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	34.704.576.673	18.787.123.722	22.386.992.396	77.212.892.791
Tăng trong kỳ	-	705.405.419	4.484.823.557	184.572.195	5.374.801.171
Khấu hao trong kỳ	-	705.405.419	988.823.615	184.572.195	1.878.801.229
Phân loại lại	-	-	3.495.999.942	-	3.495.999.942
Giảm trong kỳ	-	3.495.999.942	-	-	3.495.999.942
Phân loại lại	-	3.495.999.942	-	-	3.495.999.942
Số dư tại 30/6/2024	<u>1.334.200.000</u>	<u>31.913.982.150</u>	<u>23.271.947.279</u>	<u>22.571.564.591</u>	<u>79.091.694.020</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2024	-	9.681.665.922	3.055.328.053	545.208.467	13.282.202.442
Tại ngày 30/6/2024	-	11.020.954.688	2.650.504.496	360.636.272	14.032.095.456

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2024 là 66.279.999.299 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 61.721.112.661 đồng).

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 30/6/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2024 và 01/01/2024 là 2.288.155.290 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty cổ phần Công nghệ Thông tin Viên thông và Tự động hoá Dầu khí	11,90%	11,90%	5.040.000.000	(ii)	5.040.000.000	(ii)
<b>Tổng</b>			<b>5.040.000.000</b>	-	<b>5.040.000.000</b>	-

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Phải trả người bán**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.439.589.134</b>	<b>15.439.589.134</b>	<b>28.394.381.980</b>	<b>28.394.381.980</b>
Công ty TNHH Megarig Industries	-	-	2.991.295.911	2.991.295.911
Công ty Cổ phần LIBERICO Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	-	-	5.451.145.810	5.451.145.810
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Nhân lực XL DESGN BUILT PRIVATE LIMITED	1.735.920.120	1.735.920.120	3.726.456.975	3.726.456.975
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	5.819.693.533	5.819.693.533	5.479.726.919	5.479.726.919
Công ty Cổ phần Nano Power Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Unicom	2.190.413.880	2.190.413.880	-	-
Các đối tượng khác	2.134.400.000	2.134.400.000	9.009.836.245	9.009.836.245
<b>Tổng</b>	<b>15.439.589.134</b>	<b>15.439.589.134</b>	<b>28.394.381.980</b>	<b>28.394.381.980</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.827.334.651</b>	<b>1.192.198.584</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	2.314.043.130	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	321.092.937	-
<b>Tổng</b>	<b>3.827.334.651</b>	<b>1.192.198.584</b>

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

2.608.358.130

294.315.000

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2024	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>3.585.984.751</b>	<b>3.512.533.073</b>	<b>6.251.369.423</b>	<b>847.148.401</b>
Thuế giá trị gia tăng	251.184.283	14.828.915	253.265.098	12.748.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.502.834	2.203.527.306	4.423.821.612	794.208.528
Thuế thu nhập cá nhân	320.297.634	1.290.176.852	1.570.282.713	40.191.773
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>2.076.417.034</b>	<b>3.684.034.457</b>	<b>1.607.617.423</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	2.076.417.034	3.684.034.457	1.607.617.423



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.662.605.710</b>	<b>4.408.532.293</b>
Chi phí tham quan học hỏi	2.130.000.000	675.694.445
Chi phí học nghị tổng kết công tác	-	278.000.000
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	-	238.900.000
Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	-	949.077.559
Chi phí đồng phục	-	1.871.415.000
Chi phí khám sức khoẻ định kỳ	457.875.000	-
Chi phí thuê nhân công ngoài	708.571.800	-
Trích trước chi phí khác	366.158.910	395.445.289
<b>Tổng</b>	<b>3.662.605.710</b>	<b>4.408.532.293</b>

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.818.182</b>	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	36.818.182	-
<b>Tổng</b>	<b>36.818.182</b>	-

**5.16 Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.060.310.801</b>	<b>7.055.835.778</b>
Kinh phí công đoàn	308.723.478	415.302.980
Bảo hiểm xã hội	-	226.498.710
Bảo hiểm y tế	786.207	93.459.292
Bảo hiểm thất nghiệp	15.229.052	82.697.893
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	16.685.322.064	6.187.626.903
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>15.119.664.563</i>	<i>1.022.546.057</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.565.657.501</i>	<i>5.165.080.846</i>
<b>Tổng</b>	<b>17.060.310.801</b>	<b>7.055.835.778</b>

Trong đó:

**Phải trả các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

7.191.000.000

-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310
Lãi trong năm trước	-	-	17.690.519.694	17.690.519.694
Trích lập các quỹ	-	-	(3.693.979.472)	(3.693.979.472)
Chia cổ tức	-	-	(14.850.000.000)	(14.850.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>20.686.994.576</b>	<b>17.759.345.956</b>	<b>188.446.340.532</b>
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532
Lãi trong kỳ này	-	-	8.634.695.705	8.634.695.705
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>20.686.994.576</b>	<b>8.755.937.723</b>	<b>179.442.932.299</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 10/4/2024 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 3.538.103.938 VND; chia cổ tức 14.100.000.000 VND.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	11.888.000.000	9.004.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	34.612.000.000	37.496.000.000
<b>Tổng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>14.100.000.000</b>	<b>14.850.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.220.492.235	122.599.081.035
<b>Tổng</b>	<b>147.220.492.235</b>	<b>122.599.081.035</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	89.649.345.143	100.962.733.959

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	121.098.137.843	94.390.679.430
<b>Tổng</b>	<b>121.098.137.843</b>	<b>94.390.679.430</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.677.178.103	2.811.550.901
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	5.070.490
<b>Tổng</b>	<b>1.677.178.103</b>	<b>2.816.621.391</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.927.297.700</b>	<b>20.053.403.127</b>
Chi phí nhân viên quản lý	10.604.083.186	13.364.746.544
Chi phí vật liệu quản lý	1.056.712.680	923.693.121
Chi phí khấu hao TSCĐ	246.201.348	296.220.289
Thuế phí và lệ phí	73.031.425	78.417.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.594.092.319	3.129.027.055
Chi phí bằng tiền khác	2.353.176.742	2.261.298.570
<b>Tổng</b>	<b>16.927.297.700</b>	<b>20.053.403.127</b>

**6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ xử lý công nợ	-	256.265.186
Thu nhập khác	-	15.442.054
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>271.707.240</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hợp đồng	32.990.266	-
Chi phí khác	1.021.518	6.588.680
<b>Tổng</b>	<b>34.011.784</b>	<b>6.588.680</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(34.011.784)</b>	<b>265.118.560</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.838.223.011	11.215.073.284
Các khoản điều chỉnh tăng	179.413.518	165.620.680
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>126.000.000</i>	<i>126.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>53.413.518</i>	<i>39.620.680</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	302.548.150	40.244.934
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>302.548.150</i>	<i>40.244.934</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.715.088.379	11.340.449.030
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.143.017.676	2.268.089.806
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	60.509.630	8.048.987
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.203.527.306</b>	<b>2.276.138.793</b>

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.634.695.705	8.938.934.491
Các khoản điều chỉnh		
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>-</i>	<i>(1.769.051.969)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.634.695.705	7.169.882.522
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>576</b>	<b>478</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 trình bày lại do trong năm 2024 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 10/04/2024 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 3.538.103.938 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2023 được trừ đi ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 từ 596 VND/cổ phiếu xuống còn 478 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.938.934.491	8.938.934.491	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.769.051.969)	(1.769.051.969)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.938.934.491	7.169.882.522	(1.769.051.969)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	596	478	(118)

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.745.792.038	4.608.286.466
Chi phí nhân công	76.996.875.567	68.341.972.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.878.801.229	2.381.515.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.751.355.199	13.110.472.647
Chi phí khác bằng tiền	11.630.094.205	17.707.752.917
<b>Tổng</b>	<b>122.002.918.238</b>	<b>106.149.999.702</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

**Các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAIC
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	1.952.652.683	2.261.428.986

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong đó chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	298.611.515	366.495.564
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên kiêm Giám đốc	298.611.515	366.495.564
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	15.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên	236.875.384	58.338.522
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	248.569.317	292.381.601
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	250.005.980	290.743.706
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	257.103.590	290.832.146
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	236.875.383	266.891.649
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	203.250.234
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	30.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	18.000.000	9.000.000
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>			<b>631.964.630</b>	<b>612.546.170</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	569.141.896	565.760.002
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	62.822.734	46.786.168
<b>Bán hàng</b>			<b>89.649.345.143</b>	<b>100.962.733.959</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	13.961.967.972	6.885.716.937
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	9.969.315.994	21.829.706.030
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	35.431.945.751	29.037.645.442
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	19.877.403.819
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	29.997.919.257	20.778.339.210
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	434.714.727
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	288.196.169	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hứa Na	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	2.119.207.794

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>52.431.516.725</b>	<b>82.576.079.940</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	11.276.312.007	3.546.640.264
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	-	12.800.343.498
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	30.210.104.428	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	10.945.100.290	47.519.934.227
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	-	56.522.880
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>2.608.358.130</b>	<b>294.315.000</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	2.314.043.130	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>7.191.000.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	7.191.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

**Người lập biểu**

**Hoàng Thị Hồng Trang**

**Kế toán trưởng**

**Lê Đình Thái**

**Giám đốc**

**Vũ Anh Tuấn**